

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 7 - 2018

*V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ - TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà *Vũ Thị Hồng Dung*.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1) Bà Nguyễn Thị Lánh.
- 2) Bà Lê Ngọc Anh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên Toà: Ông Nguyễn Tất Duẩn – Thư ký
Toà án nhân dân huyện Đăk Hà.

Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Sáng – Kiểm sát viên
Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện
Đăk Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ,
ngày 23 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ,
ngày 16 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thanh N.

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. “Có mặt”.

Bị đơn: Anh Nguyễn N1.

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện H, tỉnh Kon Tum. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2018 và các tài liệu, chứng
cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa thì:*

Chị Huỳnh Thị Thanh N và anh Nguyễn N1 chung sống với nhau có
đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 02 năm 2012 tại UBND xã P, huyện T,
tỉnh Bình Định, việc chung sống và kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn 02
năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N1 cờ bạc,
ngoại tình không lo cho gia đình, chị N đã khuyên ngăn nhưng anh N1 không
nghe lại còn đánh đập, chửi bới xúc phạm danh dự chị N, tính đến nay đã gần
một năm anh N1 không còn quan tâm đến mẹ con chị N, bỏ mặc chị N và con

sống ra sao thì sống. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn N1.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị sinh được 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Hải N2, sinh ngày 29/4/2013, từ khi anh N1 bỏ mặc mẹ con chị N thì một mình chị N tự làm nuôi con không có sự quan tâm của anh N1 về việc chăm sóc cũng như tiền nuôi con nhưng chị N vẫn nuôi con tốt nên khi ly hôn chị N yêu cầu Tòa án giải quyết giao con cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, chị N không yêu cầu anh N1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị N khai không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm chị N nhận chịu.

Đối với bị đơn anh Nguyễn N1, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Mặc dù anh N1 biết được việc chị N khởi kiện xin ly hôn với anh tại Tòa án nhưng anh không có ý kiến gì về việc khởi kiện của chị N, không tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Bị đơn anh N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị N được ly hôn với anh N1 là có căn cứ: Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Chấp nhận việc chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh N1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Vì hiện tại chị N đang nuôi con và anh N1 thường đi làm ăn xa không có điều kiện chăm sóc con, chị N có thu nhập ổn định để nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

* *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn N1 nhưng anh N1 không

tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn N1.

* *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Thanh N và anh Nguyễn N1 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N1 không quan tâm đến vợ con, vợ chồng cãi vã xúc phạm danh dự nhau, đã sống xa nhau gần một năm nay không còn quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống. Khi chị N1 làm đơn xin ly hôn với anh N1, anh biết và anh cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N nhưng vì anh đi làm xa không thể thu xếp công việc để về tham gia tố tụng tại Tòa án được (BL 33). Hội đồng xét xử, xét thấy vợ chồng chị N, anh N1 đã không còn có sự tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, không cùng sống chung. Như vậy, vợ chồng chị N và anh N1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị N với anh N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N1 là có căn cứ cần được chấp nhận là đúng với quy định của pháp luật.

* *Về con chung*: vợ chồng sinh được 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Hải N2, sinh ngày 29/4/2013, xét về yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng, các bên không thỏa thuận được việc người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Tòa án căn cứ vào tình hình thực tế đảm bảo mọi mặt về quyền lợi của người con chưa thành niên để giao con cho một bên trực tiếp nuôi sau khi ly hôn. Cụ thể, từ khi vợ chồng chị N, anh N1 không còn chung sống với nhau thì chị N là người trực tiếp nuôi con, không có sự trợ giúp của anh N1 về việc chăm sóc cũng như tiền để nuôi con, chị N vẫn nhờ được sự giúp đỡ của bố, mẹ để trong quá trình nuôi con khi không có anh N1, cháu vẫn phát triển và được chăm sóc tốt; hiện tại công việc của anh N1 không cố định, thường đi làm xa nhà, bản thân anh N1 cũng có nguyện vọng giao con cho chị N trực tiếp nuôi, anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con (BL 33, 61). Từ phân tích trên nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con sau khi ly hôn, anh N1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ đúng pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của hai bên đương sự.

* *Về tài sản và nợ nần*: Nguyên đơn khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Huỳnh Thị Thanh N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: *Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thanh N đề ngày 14 tháng 3 năm 2018.*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn N1;

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Hải N2, sinh ngày 29/4/2013 cho chị Huỳnh Thị Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi, anh Nguyễn N1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi.

Anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ nần: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Huỳnh Thị Thanh N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2010/0009347 ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà; chị Huỳnh Thị Thanh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05 tháng 7 năm 2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để xin xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Các đương sự;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Lưu Hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung